

Phần 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN

BÁNH KẸO HẢI HÀ

Tên công ty: Công ty bánh kẹo Hải Hà

Tên giao dịch: Haiha Confectionery Joint-Stock Company

Địa chỉ: Số 25 – Trương Định – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: 04. 38632959

Fax: 04. 38631683

Email: haihaco@hn.vnn.vn

1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà là công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Bánh kẹo Hải Hà, tên giao dịch là Haiha Confectionery Joint-Stock Company. Công ty được thành lập ngày 25/12/1960, gần 50 năm phấn đấu và trưởng thành Công ty đã là nhà sản xuất bánh kẹo hàng đầu Việt Nam với qui mô sản xuất lên tới 20.000 tấn sản phẩm/1 năm.

Năm 2003, Công ty thực hiện cổ phần hóa theo quyết định số 192/2003/QĐ-BCN ngày 14/11/2003 của Bộ Công Nghiệp. Từ 1/2004, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/01/2004 và thay đổi lần thứ 2 ngày 13/08/2007.

Công ty được chấp nhận niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 312/QĐ-TTGDHN ngày 08/11/2007 của Giám đốc trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội và đã chính thức giao dịch từ ngày 20/11/2007.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 54.750.000.000 đồng, được chia làm 5.475.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước là 27.922.500.000 đồng chiếm 51%.

Công ty có các chi nhánh, nhà máy phụ thuộc sau:

- Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Đà Nẵng
- Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà I
- Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà II

Chi nhánh Hồ Chí Minh và chi nhánh Đà Nẵng có tổ chức hạch toán kế toán, có lập Báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính của Chi nhánh Hồ Chí Minh và chi nhánh Đà Nẵng được tổng hợp vào Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ toàn Công ty. Các đơn vị trực thuộc khác đều được hạch toán tại văn phòng Công ty.

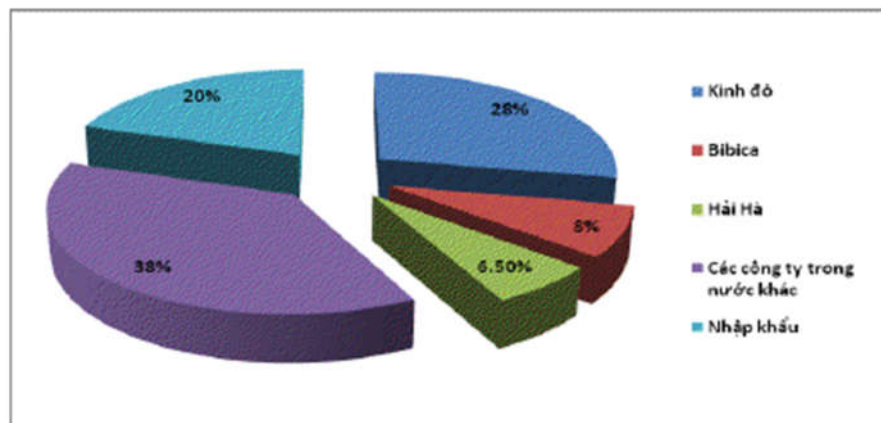
Tháng 5/2011, công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 82,125 tỷ đồng.

2. Mục tiêu và phạm vi kinh doanh

- **Hoạt động chính:** sản xuất và kinh doanh bánh kẹo các loại.
- **Hoạt động của Công ty theo Giấy chứng đăng ký kinh doanh số 0103003614 thay đổi lần thứ hai ngày 13/08/2007 gồm:**
 - Sản xuất và kinh doanh các loại bánh kẹo.
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư sản xuất, máy móc thiết bị, sản phẩm chuyên ngành, hàng hoá tiêu dùng và các sản phẩm hàng hóa khác.
 - Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

3. Thị phần của Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

Hình 1: Thị phần của thị trường bánh kẹo



Nguồn: Cơ sở dữ liệu của TVSC

4. Đối thủ cạnh tranh

• ***Một số đối thủ cạnh tranh trong nước:***

- Công ty Xây dựng và Chế biến thực phẩm Kinh Đô: cạnh tranh với công ty về các sản phẩm bánh kẹo.
- Công ty Bánh kẹo Hải Châu
- Công ty Bánh kẹo Biên Hòa
- Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Kinh đô miền Bắc

Do nguồn số liệu hạn chế nên trong bài này chúng ta chỉ xét các đối thủ cạnh tranh trong nước để đánh giá hiệu quả hoạt động của công ty.

• ***Một số đối thủ cạnh tranh nước ngoài:***

- Công ty trách nhiệm hữu hạn thực phẩm Orion Vina
- Công ty TNHH Lotteria Việt Nam

Phần 2

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

I. Nguồn số liệu phân tích

- Gồm:
- Bảng cân đối kế toán năm 2009 (trong file đính kèm)
 - Báo cáo kết quả kinh doanh 2009 (trong file đính kèm)

II. Đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh của công ty năm 2009

Trong phần này, để đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh của công ty, chúng ta sẽ tính toán các chỉ tiêu tài chính như tỉ suất doanh lợi, tỉ suất lợi nhuận gộp, số vòng quay của tài sản, ROA, ROE.... Từ đó, qua việc phân tích đánh giá từng chỉ tiêu, chúng ta sẽ tổng hợp phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty với sự kết hợp phân tích các chỉ tiêu trên với nhau.

Một số chỉ tiêu tính toán thêm:

Chỉ tiêu	2008	2009	Chênh lệch	
			+/-	%
1. Lợi nhuận sau thuế	18.992.641.620	20.363.064.134	1.370.422.510	7,22
2. Doanh thu thuần	416.004.825.417	458.601.900.972	42.597.075.500	10,24
3. Giá vốn hàng bán	348.614.511.805	383.759.738.221	35.145.226.400	10,08
4. Tài sản bình quân	201.239.637.400	198.819.681.700	- 2.419.955.700	-1,20
5. Vốn CSH bình quân	106.634.194.000	112.734.769.500	6.100.575.500	5,72
6. Vốn vay	36.886.682.370	1.003.250.000	-35.883.432.370	-97,28
7. (Vốn vay + Vốn CSH) bình quân	278.998.273.200	131.679.735.600	-147.318.537.600	-52,80
8. Chi phí lãi vay	3.081.764.303	913.231.329	-2.168.532.974	-70,37

1. Các chỉ số tài chính đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh

1.1 .Chỉ tiêu tỉ suất doanh lợi:

$$\text{Tỉ suất doanh lợi} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu này phản ánh cứ một đồng doanh thu trong kỳ thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của DN càng cao.

Chỉ tiêu	2008	2009	+/-	%
Tỉ suất doanh lợi	4,565%	4,44%	-0,125	-2,74

Theo bảng số liệu, ta thấy tỉ suất doanh lợi của công ty năm 2009 giảm 0,125% so với năm 2008 (hay giảm 2,74% theo số tương đối). Chứng tỏ công ty đã sử dụng chi phí không hiệu quả. Nguyên nhân là do doanh nghiệp chưa có chính sách quản lý chi phí tốt, làm tốc độ tăng của doanh thu chậm hơn so với tốc độ tăng của chi phí. Do vậy, làm tốc độ tăng của lợi nhuận là 7,22% chậm hơn so với tốc độ tăng của doanh thu là 10,24%, dẫn đến tỉ suất doanh lợi năm 2009 giảm.

So sánh với các doanh nghiệp trong ngành năm 2009:

Tên doanh nghiệp	Hải Hà	Bibica	Kinh đô	CTCP chế biến thực phẩm kinh đô miền Bắc
Tỉ suất doanh lợi	4,44%	9,139%	34,19%	10,369%

Xét trong môi trường quan với các doanh nghiệp trong ngành sản xuất bánh kẹo, tỉ suất doanh lợi của công ty đang thấp hơn rất nhiều so với các công ty hoạt động cùng lĩnh vực. (thấp hơn Bibica 4,699%, thấp hơn Kinh đô 29,75%...). Do đó, doanh nghiệp cần đưa ra những chính sách nhằm quản lý tốt chi phí sản xuất kinh doanh để tăng lợi nhuận, từ đó tăng tỉ suất doanh lợi.

1.2. Tỉ suất lợi nhuận gộp:

$$\text{Tỉ suất lợi nhuận gộp} = \frac{\text{Lợi nhuận gộp}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Chỉ số này cho biết 1 đồng doanh thu thu về tạo ra được bao nhiêu đồng thu nhập. Doanh nghiệp có tỉ suất càng cao, chứng tỏ doanh nghiệp đó có lãi hơn và kiểm soát chi phí hiệu quả hơn so với đối thủ cạnh tranh.

Bảng phân tích tỉ suất lợi nhuận:

Chỉ tiêu	2008	2009	+/-	%
Tỉ suất lợi nhuận gộp	16,199%	16,319%	0,121	0,74

Từ bảng phân tích, ta thấy tỉ suất lợi nhuận gộp của công ty năm 2009 tăng nhẹ so với năm 2008 (tỉ suất lợi nhuận gộp tăng thêm 0,121%). Chứng tỏ công ty kinh doanh có lãi hơn và kiểm soát chi phí tốt hơn năm 2008.

Tỉ suất lợi nhuận gộp tăng là do: doanh thu thuần trong kỳ tăng 10,24% trong khi giá vốn hàng bán chỉ tăng 10,08%, thấp hơn tốc độ tăng của doanh thu. Do đó, làm lợi nhuận gộp có tốc độ tăng lớn hơn so với doanh thu (tăng 11,6%) -> tỉ suất lợi nhuận gộp tăng so với năm 2009. Nguyên nhân có thể do giá yếu tố đầu vào giảm, doanh nghiệp kiểm soát tốt chi phí hoặc do cầu mặt hàng của doanh nghiệp sản xuất trong năm tăng làm tăng giá bán, dẫn tới doanh thu từ một sản phẩm tăng mạnh hơn so với lượng chi phí như cũ với từng sản phẩm.

Xét trong mối quan hệ với các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề năm 2009:

Tên doanh nghiệp	Hải Hà	Bibica	Kinh đô	CTCP chế biến thực phẩm kinh đô miền Bắc
Tỉ suất lợi nhuận gộp	16,319%	10,128%	19,73%	13,091%

Ta thấy , tỉ suất lợi nhuận gộp của công ty khá cao so với các đối thủ cạnh tranh cùng ngành nghề, chứng tỏ doanh nghiệp đã kiểm soát chi phí tốt hơn đối thủ cạnh tranh, tạo ra lợi thế cạnh tranh (kiểm soát tốt chi phí -> chi phí sản xuất giảm -> giá thành giảm -> giá bán giảm).

Vậy, công ty đã có những chính sách đúng đắn trong việc tiết kiệm chi phí đầu vào của quá trình sản xuất nhằm tăng lợi nhuận gộp và tăng tỉ suất lợi nhuận gộp. Công ty cần tiếp tục phát huy hơn nữa nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận hơn, nâng cao tỉ suất lợi nhuận gộp.

1.3. Số vòng quay của tài sản

$$\text{Số vòng quay của tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản bình quân}}$$

Chỉ tiêu này cho biết tổng tài sản được chuyển đổi bao nhiêu lần thành doanh thu trong một năm, dùng để đánh giá hiệu quả của việc sử dụng vốn của công ty. Thông qua hệ số này chúng ta có thể biết được với một đồng tài sản được sử dụng thì doanh thu được tạo ra.

Hệ số này càng cao chứng tỏ việc sử dụng tài sản của công ty vào hoạt động sản xuất kinh doanh càng hiệu quả. Hệ số thấp cho thấy vốn đang được sử dụng không hiệu quả.

Bảng phân tích

Chỉ tiêu	2008	2009	+/-	%
Số vòng quay của tài sản(lần)	2,067	2,307	0,24	11,611

Ta thấy số vòng quay của tài sản của công ty năm 2009 là 2,307 lần, nghĩa là 1 đồng đầu tư vào tài sản thì công ty sẽ thu được 2,307 đồng doanh thu, trong khi đó con số này năm 2008 là 2,067 lần. Chứng tỏ doanh nghiệp nâng cao được hiệu quả sử dụng tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh, với 1 đồng đầu tư cho tài sản thu được nhiều doanh thu hơn.

Nguyên nhân của việc tăng này là do công ty đã giảm lượng hàng tồn kho và tiền mặt, giảm tài sản cố định do thanh lý bớt... Do đó, làm tài sản bình quân năm 2009 giảm so với năm 2008 -> số vòng quay của tài sản năm 2009 tăng lên.

Để đánh giá chính xác mức sử dụng hiệu quả tài sản, ta so sánh chỉ số này với các doanh nghiệp khác cùng ngành:

Tên doanh nghiệp	Hải Hà	Bibica	Kinh đô	CTCP chế biến thực phẩm

				kinh đô miền Bắc
Số vòng quay tài sản	2,307	0,934	0,423	1,296

Từ trên ta có thể kết luận công ty đã sử dụng rất hiệu quả vốn đầu tư vào tài sản so với các doanh nghiệp khác trong ngành. Số vòng quay tài sản của công ty cao hơn của Kinh Đô là 1,884 lần, cao hơn Bibica là 1,373 lần.

Vậy công ty đã có các chính sử dụng rất hiệu quả nguồn vốn đầu tư vào tài sản, không để vốn bị ứ đọng -> cần tiếp tục phát huy.

1.4. Tỷ suất sinh lời của tài sản

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tài sản bình quân}} \times 100\%$$

Chỉ số này đo lường kết quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tạo ra lợi nhuận. Chỉ số này cho biết với 1 đồng tài sản được sử dụng thì có bao nhiêu lợi nhuận được tạo ra. Tài sản của công ty được tài trợ bằng vốn vay và vốn CSH, do đó hiệu quả của việc chuyển vốn thành lợi nhuận được thể hiện qua chỉ tiêu này.

Hệ số này càng cao, chứng tỏ khi đầu tư thêm 1 đồng vào tài sản thì lợi nhuận thu được càng cao -> chứng tỏ việc sử dụng tài sản của công ty vào hoạt động sản xuất kinh doanh càng hiệu quả.

Bảng phân tích:

Chỉ tiêu	2008	2009	+/-	%
Tỷ suất sinh lời của tài sản	9,438%	10,242%	0,804%	8,519

Tỷ suất sinh lời của tài sản năm 2009 là 10,242%, nghĩa là cứ 1 đồng vốn đầu tư thêm sẽ tạo ra 10,242 đồng lợi nhuận, trong khi tỷ suất năm 2008 là 9,438%. Nhìn chung tỷ suất này tăng không đáng kể so với năm 2008 (tăng 0,804% về số tuyệt đối), chứng tỏ doanh nghiệp đang sử dụng hiệu quả vốn đầu tư hơn năm 2008, đã có những chính sách hiệu quả và hợp lý trong việc phân bổ vốn và nguồn lực.

Nguyên nhân tăng là do doanh nghiệp đã giảm lượng hàng tồn kho, tiền mặt trong kết... so với năm 2008 làm tổng tài sản bình quân giảm nhẹ so với 2008, đồng thời lợi nhuận cũng tăng nhẹ, do đó làm tỷ suất sinh lời của tài sản tăng.

Vì tỉ suất này phụ thuộc vào mùa vụ kinh doanh và ngành nghề kinh doanh nên cần so sánh chỉ số này với các doanh nghiệp cùng ngành khác để đánh giá chính xác hiệu quả sử dụng vốn.

Tên doanh nghiệp	Hải Hà	Bibica	Kinh đô	CTCP chế biến thực phẩm kinh đô miền Bắc	Toàn ngành
Tỉ suất sinh lời của tài sản	10,242%	8,533%	14,463%	13,441%	14,6%

So với toàn ngành thì tỉ suất sinh lời của tài sản của công ty tương đối cao (cao hơn Bibica 1,709%, thấp hơn của Kinh đô 4,221%..). trong khi đó, trung bình ngành là 14,6%. Do vậy, so với toààn ngành thì hiệu quả quản lý nguồn vốn trong hoạt động sản xuất và kinh doanh còn kém.

Do vậy, công ty cần có những chính sách thích hợp để tiếp tục nâng cao tỉ suất sinh lời của tài sản hơn nữa.

Mặt khác, chúng ta cũng cần quan tâm tới tỷ lệ lãi suất doanh nghiệp phải trả cho các khoản nợ để xem xét tỉ suất sinh lời của tài sản với tỉ lệ lãi suất. Nếu doanh nghiệp có tỉ suất sinh lời lớn hơn tỉ lệ lãi suất vay nợ thì doanh nghiệp đang hoạt động có lợi nhuận.

1.5. Phân tích các yếu tố tác động tới ROA theo mô hình DUPONT

Phương trình kinh tế:

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản bình quân}}$$

= tỷ suất lợi nhuận thuần x Số vòng quay tài sản

Chỉ tiêu	2008	2009	+/-
1. Tỉ	4,565%	4,44%	-0,125%

suất lợi nhuận thuần			
2. Số vòng quay tài sản	2,067	2,307	0,24

ROA năm 2009 tăng 0,804% so với năm 2008 là do tác động của các nhân tố sau:

-Số vòng quay tài sản tăng 0,24 lần/năm làm ROA tăng : $0,24 \times 4,565\% = 1,0956\%$

-Tỉ suất lợi nhuận thuần giảm 0,125% làm ROA giảm: $- 0,125\% \times 2,3307 = - 0,2913\%$

Từ những phân tích trên ta thấy dù khả năng sinh lời của công ty năm 2009 giảm so với năm 2008 (tỉ suất lợi nhuận thuần giảm 0,125% so với năm 2008) nhưng lại có hiệu suất sử dụng tài sản tăng (số vòng quay tài sản tăng 0,24 lần) đã làm cho công ty đạt hiệu quả sử dụng tài sản cao hơn so với năm 2008 (với ROA tăng 8,04%)

Vậy doanh nghiệp cần chú trọng xây dựng và thực hiện các chính sách tăng tỉ suất lợi nhuận thuần bằng cách quản lý tốt nhằm tiết kiệm chi phí và tăng doanh thu tương đối, hoặc tiếp tục tăng số vòng quay tài sản để tiếp tục tăng chỉ tiêu ROA.

1.6. Tỉ suất sinh lời của vốn CSH (ROE)

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu đo lường 1 đồng vốn CSH thì tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận ròng cho doanh nghiệp. ROE càng cao phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp càng cao, khi doanh nghiệp bỏ ra một đồng vốn CSH thì lợi nhuận thu được càng lớn.

Bảng phân tích:

Chỉ tiêu	2008	2009	+/-	%
Tỉ suất sinh lời của vốn CSH	17,8 11%	18,063%	0,252%	1,415

Tỉ suất sinh lời của vốn CSH năm 2009 tăng 0,252% so với năm 2008, chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng vốn CSH để tạo ra lợi nhuận hiệu quả hơn so với năm 2008.

Nguyên nhân:

- Là do dù vốn CSH của công ty tăng(do trích thêm cho quỹ phát triển sự nghiệp và trích lập dự phòng tài chính) nhưng tốc độ tăng của vốn CSH chậm hơn so với tốc độ tăng của lợi nhuận. Do đó, làm tỉ suất sinh lời của vốn CSH năm 2009 tăng nhẹ so với năm 2008.
- Phân tích các nhân tố tác động làm ROE tăng theo mô hình DUPONT

Phương trình kinh tế:

ROE = Tỷ suất lợi nhuận thuần x Số vòng quay tài sản x Hệ số TS/VCSH

Chỉ tiêu	2008	2009	+/-
1. Tỉ suất lợi nhuận thuần	4,57%	4,44%	-0,13%
2. Số vòng quay tài sản	2,07	2,31	0,24
3. Hệ số TS/VCSH	1,89	1,76	-0,13

Vậy ROE năm 2009 tăng 0,25% so với năm 2008 là do ảnh hưởng bởi các nhân tố:

- Hệ số TS/VCSH: $-0,13 \times 4,57\% \times 2,07 = -1,23\%$
- Số vòng quay của tài sản: $0,24 \times 1,76 \times 4,57\% = 2,01\%$
- Tỉ suất lợi nhuận thuần: $-0,13\% \times 2,31 \times 1,76 = -0,53\%$

DN cần đưa ra một số biện pháp tăng hệ số ROE như:

- Thực hiện các chính sách nhằm tăng doanh thu trong việc tăng tương đối chi phí.
- Tăng hiệu suất sử dụng tài sản bằng cách như: giảm lượng tồn kho, giảm các khoản phải thu, đem tài sản đi đầu tư...
- Có thể thực hiện vay nợ nhằm sử dụng đòn bẩy tài chính, tuy nhiên cũng phải đối mặt với rủi ro tài chính.

Tuy nhiên, trong năm 2009 doanh nghiệp thực hiện đi vay ít hơn năm 2009 nên đã không sử dụng được đòn bẩy tài chính để làm tăng ROE trong điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp đang thuận lợi, do đó ROE chỉ tăng nhẹ so với năm 2008.

Tên doanh nghiệp	Hải Hà	Bibica	Kinh đô	CTCP chế biến thực phẩm kinh đô miền Bắc	Toàn ngành
Tỉ suất sinh lời của vốn CSH	18,063%	11,261%	23,271%	33,061%	20,2%

Tỉ suất sinh lời của công ty cao hơn so với Bibica (cao hơn 6,802%), nhưng thấp hơn Kinh đô (thấp hơn 5,208%), thấp hơn CTCP chế biến thực phẩm kinh đô miền Bắc (thấp hơn 14,998%) và cũng thấp hơn so với trung bình ngành . Vậy, hiệu quả sử dụng vốn CSH của các cổ đông trong công ty vẫn chưa hiệu quả. Vì vậy, trong những năm tới công ty cần có những biện pháp để khắc phục được tình trạng ROE thấp hơn so với ngành nhằm đáp ứng được kỳ vọng của các cổ đông trong công ty.

1.7. Tỉ suất sinh lời của vốn đầu tư (ROI).

$$\text{Tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế} + \text{cp lãi vay} \times (1 - \text{thuế TNDN})}{(\text{vốn vay} + \text{vốn chủ sở hữu}) \text{ bình quân}} \times 100\%$$

[Trong đó ta tính được số Vốn vay năm 2008 là $\frac{10.718.100.000+18.125.102.788+105.338.941.777+12.872.756.286+24.013.926.095+107.929.446.341}{2}$

= 139499136644 (đồng).]

{(Vốn vay + vốn chủ sở hữu) /2
= $\frac{12.872.756.286+24.013.926.095+102.488.111.160+1.003.250.000+110.736.458.811}{2}$
=131679735711(đồng) }.

ROI năm 2008= $\frac{18.992.641.620+3.081.764.303 \times (1-0,25)}{139.499.136.644} \times 100\%=15,27$.

ROI năm 2009= $\frac{20.363.064.134+913.231.329 \times (1-0,25)}{131.679.735.711} \times 100\%= 15,98\%$.

Nhận xét:

Tỷ suất lợi nhuận của vốn đầu tư năm 2009 tăng nhẹ so với năm 2008, một phần do nợ ngắn hạn và dài hạn cuối năm 2009 giảm(đặc biệt công ty đã trả hết khoản nợ dài hạn) làm nợ bình quân năm của 2009 giảm so với 2008, tuy vốn chủ sở hữu có tăng nhưng tăng chậm hơn độ giảm của nợ nên khoản mục (vốn vay và vốn chủ sở hữu bình quân năm 2009 giảm), bên cạnh đó chi phí lãi vay cuối năm 2009 cũng giảm đáng kể giảm 2.168.532.974 (đồng) so với năm 2008 chủ yếu là do doanh nghiệp đã trả bớt khoản vay nên làm giảm chi phí, nhưng bù lại lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tăng (năm 2009 doanh thu của doanh nghiệp tăng góp phần tạo ra lợi nhuận của công ty). Tóm lại ROI của doanh nghiệp biến động tương đối ít, không có hiện tượng bất thường của chỉ tiêu này

1.8. Các chỉ tiêu khác:

- **Tỷ suất sinh lời của chi phí** = $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Chi phí kinh doanh}} \times 100\%$

✓ Tỷ suất sinh lời của giá vốn bán hàng:

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008	Chênh lệch	
			+/-	%
Lợi nhuận sau thuế	20.363.064.134	18.992.641.620	1.370.422.510	6,730
Giá vốn hàng bán	383.759.738.221	348.614.511.805	35.145.226.420	9,15
Tỷ suất sinh lời của giá vốn hàng bán	5,31%	5,45%	-0,14	-2,64%

Tỷ suất sinh lời của chi phí sản xuất năm 2009 giảm so với 2008 (giảm từ 5,31% xuống 5,45%) do cả lợi nhuận sau thuế và giá vốn hàng bán của Dn cùng tăng nhưng tốc độ tăng của giá vốn tăng nhanh hơn tốc độ tăng của lợi nhuận sau thuế làm cho tỷ suất sinh lời của giá vốn hàng bán giảm so với năm 2008.

✓ Tỷ suất sinh lời của chi phí bán hàng:

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008	Chênh lệch	
			+/-	%
Lợi nhuận sau thuế	20.363.064.134	18.992.641.620	1.370.422.510	6,730
Chi phí bán hàng	26.936.735.837	23.436.753.935	3.499.981.902	12,993
Tỷ suất sinh lời của chi phí bán hàng	75,60%	81,04%	5,44	7,20

Tỷ suất sinh lời của chi phí bán hàng năm 2009 giảm so với năm 2008 chứng tỏ mức lợi nhuận trong chi phí bán hàng của doanh nghiệp đã giảm, doanh nghiệp chưa quản lý tốt chi phí bán hàng. DN cần tìm hiểu nguyên nhân và tăng sự quản lý công tác bán hàng để nâng cao hiệu quả hơn.

✓ Tỷ suất sinh lời của chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008	Chênh lệch	
			+/-	%
Lợi nhuận sau thuế	20.363.064.134	18.992.641.620	1.370.422.510	6,73
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.604.034.818	20.165.459.717	1.438.575.101	6,659

Tỷ suất sinh lời của chi phí quản lý doanh nghiệp	94,26%	94,18%	-0,08	0,008
---	--------	--------	-------	-------

Tỷ suất sinh lời của chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2009 tăng rất ít so với năm 2008, tuy nhiên tỷ suất sinh lời của chi phí quản lý doanh nghiệp khá cao, thể hiện doanh nghiệp đã quản lý tốt chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh nghiệp cần tiếp tục phát huy.

- **Tỷ suất sinh lời của của tài sản (ROAe)**

$$\text{Tỷ suất sinh lời của của tài sản (ROAe)} = \frac{EBIT}{\text{Tài sản bình quân}} \times 100\%$$

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008	Chênh lệch	
			+/-	%
Lợi nhuận sau thuế	20.363.064.134	18.992.641.620	1.370.422.510	6,73
Chi phí lãi vay	913.231.329	3.081.764.303	-2.168.532.974	-237,46
EBIT	21.276.295.463	22.074.405.923	-798.110.460	-3,62
Tài sản bình quân	198.819.681.700	201.239.637.400	-2.419.955.700	-1,2
Tỷ suất sinh lời kinh tế của tài sản(%)	10,70	10,97	-0,27	-2,5

Như vậy lợi tỷ suất sinh lời của kinh tế của tài sản năm 2009 giảm nhẹ so với năm 2008, như vậy thể hiện việc sử dụng tài sản để sinh lợi đang có xu hướng giảm. Doanh nghiệp cần có biện pháp để cải thiện tình hình trên sao cho tỷ suất sinh lời của tài sản được nâng cao hơn.

2. Phân tích tổng hợp một số chỉ tiêu tài chính để đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh

Bảng phân tích

Chỉ tiêu	2008	2009	+/-	%
• Tỷ suất	4,565%	4,44%	-0,125	-2,74

doanh lợi (9=1/2)				
• Tỉ suất lợi nhuận gộp(10= 3/2)	16,199%	16,3196%	0,1206	0,74
• Vòng quay tài sản	2,067	2,307	0,24	11,61
• ROA	9,438%	10,242%	0,804	8,52
• ROE	17,811%	18,063%	0,252	1,41
• ROI	15,27%	15,98%	0,71	4,65

Từ bảng phân tích, ta thấy các chỉ số tỉ suất lợi nhuận gộp, vòng quay tài sản, ROA, ROE, ROI năm 2009 đều tăng so với năm 2008 chứng tỏ hiệu quả kinh doanh của công ty có xu hướng tốt. Trong đó, số vòng quay tài sản tăng mạnh nhất (tăng 0,24 lần so với năm 2008, hay tăng 11,61% về số tương đối), chứng tỏ doanh nghiệp đang sử dụng hiệu quả tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy nên mặc dù tỉ suất doanh lợi năm 2009 giảm so với năm 2008 (giảm 0,125%) nhưng vì hiệu suất sử dụng tài sản tăng nên các chỉ tiêu ROA, ROE cũng tăng nhưng tăng không đáng kể. Để tăng các chỉ tiêu này doanh nghiệp cần quản lý chi phí tốt hơn để cải thiện tỉ suất doanh lợi.

Tỉ suất doanh lợi năm 2009 giảm nhẹ so với năm 2008 là do tốc độ tăng của doanh thu thuần chậm hơn so với tốc độ tăng của chi phí. Hay nói cách khác, là doanh nghiệp đã quản lý chưa tốt chi phí nên tốc độ tăng lợi nhuận chậm hơn so với tốc độ tăng doanh thu. Do đó làm tỉ suất doanh lợi giảm. Vậy doanh nghiệp cần có những chính sách quản lý chi phí tốt hơn để cải thiện tỉ suất doanh lợi.

So sánh với các doanh nghiệp cùng ngành năm 2009:

Chỉ tiêu	Hải Hà	Bibica	Kinh Đô	Công ty CP chế biến thực phẩm
----------	--------	--------	---------	-------------------------------

				Kinh đô miền Bắc
• Tỷ suất doanh lợi	16,319%	10,128%	19,73%	13,091%
• Số vòng quay của tài sản (lần)	2,307	0,934	0,423	1,296
• ROA	10,242%	8,533%	14,463%	13,441%
• ROE	18,063%	11,261%	23,271%	33,061%

Từ bảng phân tích trên ta thấy, số vòng quay tài sản của công ty Hải Hà cao hơn nhiều so với các đối thủ cạnh tranh cùng ngành. Điều đó chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng hiệu quả vốn đầu tư cho tài sản, cứ một đồng vốn đầu tư cho tài sản thì tạo ra 2,307 đồng doanh thu. Đó là nhân tố để tăng doanh thu khi mở rộng đầu tư, góp phần tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Với các chỉ tiêu ROA, ROE đang còn khá thấp so với các đối thủ cạnh tranh và so với trung bình ngành. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp chưa có sự quản lý tốt chi phí, nên lợi nhuận thu được khi đầu tư một đồng tài sản là nhỏ so với các đối thủ cạnh tranh (với chỉ tiêu ROA), và công ty năm 2009 đã sử dụng ít vốn vay nên không tận dụng được đòn bẩy tài chính. Do vậy, doanh nghiệp cần sử dụng vừa đủ vốn vay nợ để tận dụng được đòn bẩy tài chính.

4. Phân tích tổng hợp các chỉ tiêu tài chính để đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh

Bảng phân tích:

Chỉ tiêu	2008	2009	+/-	%
1. Tỷ suất doanh lợi (9=1/2)	4,565%	4,44%	-0,125	-2,74
2. Tỷ suất lợi	16,199	16,319	0,1206	0,74

nhuận gộp(10= 3/2)	%	6%		
3. Vòng quay tài sản	2,067	2,307	0,24	11,61
4. ROA	9,438%	10,242%	0,804	8,52
5. ROE	17,811%	18,063%	0,252	1,41
6. ROI	15,27%	15,98%	0,71	4,65

Từ bảng phân tích, ta thấy các chỉ số tỉ suất lợi nhuận gộp, vòng quay tài sản, ROA, ROE, ROI năm 2009 đều tăng so với năm 2008 chứng tỏ hiệu quả kinh doanh của công ty có xu hướng tốt. Trong đó, số vòng quay tài sản tăng mạnh nhất (tăng 0,24 lần so với năm 2008, hay tăng 11,61% về số tương đối), chứng tỏ doanh nghiệp đang sử dụng hiệu quả tài sản vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy nên mặc dù tỉ suất doanh lợi năm 2009 giảm so với năm 2008 (giảm 0,125%) nhưng vì hiệu suất sử dụng tài sản tăng nên các chỉ tiêu ROA, ROE cũng tăng nhưng tăng không đáng kể. Để tăng các chỉ tiêu này doanh nghiệp cần quản lý chi phí tốt hơn để cải thiện tỉ suất doanh lợi.

Tỉ suất doanh lợi năm 2009 giảm nhẹ so với năm 2008 là do tốc độ tăng của doanh thu thuần chậm hơn so với tốc độ tăng của chi phí. Hay nói cách khác, là doanh nghiệp đã quản lý chưa tốt chi phí nên tốc độ tăng lợi nhuận chậm hơn so với tốc độ tăng doanh thu. Do đó làm tỉ suất doanh lợi giảm. Vậy doanh nghiệp cần có những chính sách quản lý chi phí tốt hơn để cải thiện tỉ suất doanh lợi.

So sánh với các doanh nghiệp cùng ngành năm 2009:

Chỉ tiêu	Hải Hà	Bibica	Kinh Đô	Công ty CP chế biến thực phẩm
----------	--------	--------	---------	-------------------------------

				Kinh đô miền Bắc
1. Tỷ suất doanh lợi	16,319%	10,128%	19,73%	13,091%
2. Số vòng quay của tài sản (lần)	2,307	0,934	0,423	1,296
3. ROA	10,242%	8,533%	14,463%	13,441%
4. ROE	18,063%	11,261%	23,271%	33,061%

Từ bảng phân tích trên ta thấy, số vòng quay tài sản của công ty Hải Hà cao hơn nhiều so với các đối thủ cạnh tranh cùng ngành. Điều đó chứng tỏ doanh nghiệp sử dụng hiệu quả vốn đầu tư cho tài sản, cứ một đồng vốn đầu tư cho tài sản thì tạo ra 2,307 đồng doanh thu. Đó là nhân tố để tăng doanh thu khi mở rộng đầu tư, góp phần tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Với các chỉ tiêu ROA, ROE đang còn khá thấp so với các đối thủ cạnh tranh và so với trung bình ngành. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp chưa có sự quản lý tốt chi phí, nên lợi nhuận thu được khi đầu tư một đồng tài sản là nhỏ so với các đối thủ cạnh tranh (với chỉ tiêu ROA), và công ty năm 2009 đã sử dụng ít vốn vay nên không tận dụng được đòn bẩy tài chính. Do vậy, doanh nghiệp cần sử dụng vừa đủ vốn vay nợ để tận dụng được đòn bẩy tài chính.

III. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản cố định:

$$1. \text{ Sức sản xuất của Tài sản cố định} = \frac{\text{Doanh thu thuần kinh doanh}}{\text{TSCĐ bình quân}};$$

$$\diamond \text{ Năm 2008: } = \frac{416.004.825.417}{(80.623.934.163 + 74.447.895.001)/2} = 5,37$$

$$\diamond \text{ Năm 2009: } = \frac{458.601.900.972}{(74.447.895.001 + 62.440.385.952)/2} = 6,7.$$

2. Tỷ suất sinh lời của Tài sản cố định: $= \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{TSCĐ bình quân}} \times 100$.

$$\text{❖ Năm 2008:} = \frac{18.992.641.620}{(80.623.934.163 + 74.447.895.001)/2} \times 100 = 24,5 (\%)$$

$$\text{❖ Năm 2009:} = \frac{20.363.064.134}{(74.447.895.001 + 62.440.385.952)/2} \times 100 = 29,7 (\%).$$

Bảng so sánh Hiệu quả sử dụng Tài sản cố định:

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	+/- (4) = (3) - (2)	% (5) = (4)/(2) × 100
Sức sản xuất của Tài sản cố định	5,37	6,7	1,33	24,37%
Tỷ suất sinh lời của Tài sản cố định	24,5 %	29,7 %	5,2%	

Bảng so sánh hiệu quả sử dụng TSCĐ với doanh nghiệp trong ngành

Chỉ tiêu	Công ty CP Bibica	Công ty CP Kinh Đô	Công ty CP Bánh kẹo Hải Hà	Công ty CP chế biến thực phẩm Kinh đô Miền Bắc
Sức sản xuất của TSCĐ	2,32	2,2	6,7	3,67
Sức sinh lợi của TSCĐ	21,2%	74,4%	29,7%	38%

Nhận xét:

Năm 2009 Công ty có sức sản xuất của TSCĐ cao hơn năm 2008. Nếu như ở năm 2008, với 1 đồng TSCĐ bình quân bỏ ra trong kỳ thì tạo ra được 5,37 đồng doanh thu thuần, và con số này ở năm 2009 là 6,7 đồng doanh thu thuần. Ta thấy

TSCĐ bình quân năm 2009 giảm so với năm 2008. Trong khi nếu ta nhìn vào mã 10 trong Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp ngày 31/12/2009 thì ta thấy doanh thu thuần năm 2009 tăng 1 lượng đáng kể so với năm 2008. Đọc trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, V.6 và V.7 thì thấy rằng năm 2009 DN cũng có đầu tư mới máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và bán bớt những máy móc thiết bị đã lỗi thời, lạc hậu năng suất kém, làm cho quá trình sản xuất và vận chuyển được thông suốt, sẽ là một yếu tố thúc đẩy tăng hiệu năng quản lý, hỗ trợ tăng hiệu quả hoạt động. Việc năm 2009 DN mua thêm phần mềm máy tính cho thấy DN đã biết chú trọng hơn vào việc quản lý thông tin, góp phần các thông tin hữu ích kịp thời giúp các nhà quản trị đưa ra các quyết định sáng suốt. Tất cả những điều này chứng tỏ trong năm 2009, TSCĐ hoạt động tốt hơn 2008, DN đã biết cách quản lý TSCĐ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Và so sánh với các doanh nghiệp trong ngành thì ta thấy sức sản xuất TSCĐ của Công ty Hải Hà là cao nhất chứng tỏ công ty Hải Hà đang là doanh nghiệp sử dụng TSCĐ có hiệu quả cao trong ngành.

Tỷ suất sinh lời của TSCĐ của công ty Hải Hà năm 2009 tăng so với năm 2008 là 5,2%. Điều này cũng dễ hiểu khi mà TSCĐ bình quân giảm, trong khi Doanh thu thuần tăng đáng kể làm cho lợi nhuận sau thuế tăng. Tuy nhiên nhìn vào bảng so sánh với các doanh nghiệp trong ngành, ta lại thấy Tỷ suất sinh lời của TSCĐ của Hải Hà đang ở mức trung bình ngành, chứng tỏ TSCĐ của công ty Hải Hà có khả năng sinh lời ở mức trung bình ngành.

IV. Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn :

1. Đánh giá khái quát:

$$1.1. \quad \text{Tỷ suất sinh lời của TSNH} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{TSNH bình quân}} \times 100 ;$$

$$\text{❖ Năm 2008:} = \frac{18.992.641.620}{(112.787.674.471 + 126.805.846.336)/2} \times 100 = 15,85 (\%).$$

$$\text{❖ Năm 2009:} = \frac{20.363.064.134}{(126.805.846.336 + 125.347.979.979)/2} \times 100 = 16,15 (\%).$$

$$1.2. \quad \text{Số vòng quay của TSNH} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{TSNH bình quân}} ;$$

$$\text{❖ Năm 2008:} = \frac{416.004.825.417}{(112.787.674.471 + 126.805.846.336)/2} = 3,47 \text{ (vòng)};$$

$$\text{❖ Năm 2009:} = \frac{458.601.900.972}{(126.805.846.336 + 125.347.979.979)/2} = 3,64 \text{ (vòng)};$$

1.3. Số vòng quay của Hàng tồn kho (HTK) = $\frac{\text{Tổng giá vốn hàng bán}}{\text{HKT bình quân}}$;

$$\text{❖ Năm 2008:} = \frac{348.614.511.805}{(60.298.486.991 + 76.931.116.642)/2} = 5,08 \text{ (vòng)}$$

$$\text{❖ Năm 2009:} = \frac{383.759.738.221}{(76.931.116.642 + 70.986.958.124)/2} = 5,19 \text{ (vòng)};$$

Bảng phân tích khái quát về hiệu quả sử dụng TSNH

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Chênh lệch	
			+/-	%
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)	(5) = (4)/(2) × 100
Tỷ suất sinh lời của TSNH	15,85%	16,15%	0,3 %	1,9%
Số vòng quay của TSNH	3,47 vòng	3,64 vòng	0,17 vòng	4,9%
Số vòng quay của HTK	5,08 vòng	5,19 vòng	0,11 vòng	2,165 %

Bảng so sánh với hiệu quả sử dụng TSNH với trong ngành

Chỉ tiêu	Công ty CP Bibica	Công ty CP Kinh Đô	Công ty CP Bánh kẹo Hải Hà	Công ty CP chế biến thực phẩm Kinh đô Miền Bắc
Tỷ suất sinh lợi của TSNH	15,4%	26%	16,15%	32,9%
Số vòng quay của TSNH	1,68	0,77	3,64	3,17

Nhìn vào bảng tính toán khái quát các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng TSNH ta thấy :Trong năm 2009, công ty đã sử dụng TSNH một cách có hiệu quả hơn. Thể hiện cụ thể như sau:

- Tỷ suất sinh lời của TSNH năm 2009 tăng 0.3%, tương ứng tốc độ tăng 1,9%. Nếu như năm 2008, đầu tư 100 đồng TSNH tạo ra 15,85 đồng lợi nhuận thì đến năm 2009 với 100 đồng TSNH bỏ ra đã tạo nên 16,15 đồng lợi nhuận. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Nếu so sánh với ngành ta lại thấy tỷ suất sinh lời của TSNH của Hải Hà là rất thấp so với trong ngành, chứng tỏ khả năng sinh lời của TSNH của công ty Hải Hà là ở mức thấp trong ngành.
- Số vòng quay của TSNH trong năm 2009 tăng 0,17 vòng so với năm 2008 tương ứng với tốc độ tăng 4,9%. Trong năm 2008, với một đồng giá trị tài sản ngắn hạn đầu tư trong kỳ thì thu được 3,47 đồng doanh thu. Và đến năm 2009, cũng với 1 đồng giá trị tài sản ngắn hạn đầu tư trong kỳ cho được 3,64 đồng doanh thu. Chỉ tiêu này thể hiện sự vận động của TSNH trong kỳ, chỉ tiêu càng cao chứng tỏ TSNH vận động nhanh và ta thấy năm 2009, TSNH đã vận động nhanh hơn so với năm 2008, đó là nhân tố góp phần nâng cao lợi nhuận. So với ngành thì số vòng quay của TSNH của Hải Hà đang là cao nhất, vì vậy TSNH của Công ty Hải Hà đang có sự vận động cao trong ngành.
- Đối với một công ty sản xuất như Hải Hà thì rõ ràng Hàng tồn kho là một khoản mục chiếm tỷ trọng không nhỏ trong tổng Tài sản ngắn hạn. Vì vậy, phân tích hiệu quả sử dụng TSNH cần đặc biệt quan tâm đến phân tích số vòng quay của Hàng tồn kho. Số vòng quay HTK cho biết trong kỳ phân tích, vốn đầu tư cho hàng tồn kho quay được bao nhiêu vòng. Chỉ tiêu này thấp

chứng tỏ hàng tồn kho bị ứ đọng làm cho ứ đọng vốn và nguy hiểm hơn là nó ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Do đó, bất cứ một doanh nghiệp nào cũng mong muốn có số vòng quay HTK cao hơn qua các năm. Và công ty bánh kẹo Hải Hà cũng vậy, qua bảng phân tích ta thấy số vòng quay HTK của công ty năm 2009 tăng 0,11 vòng, tương ứng tốc độ tăng 2,165% chứng tỏ năm 2009, HTK của công ty đã có sự vận động nhanh góp phần tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

2. Phân tích tỷ suất sinh lời của TSNH

$$\text{Tỷ suất sinh lời} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{TSNH bình quân}}$$

của TSNH

$$= \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{TSNH bình quân}} \times \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng doanh thu thuần}}$$

$$= \text{Số vòng quay của TSNH} \times \text{Tỷ suất sinh lời của Doanh thu thuần}$$

Bảng phân tích tỷ suất sinh lời của TSNH

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2008	Chênh lệch	
			+/- (4)= (2) – (3)	% (5)=(4)/(3)×100
(1)	(2)	(3)		
1. Số vòng quay của TSNH	3,64	3,47	0,17	1,9%
2. Tỷ suất sinh lời của doanh thu thuần.	4,44%	4,565%	-0,125%	-2,74%
3. Tỷ suất sinh lời của TSNH.	16,15%	15,85%	0,3%	1,9%

Bảng so sánh hiệu quả sử dụng TSCĐ với ngành năm 2009

Chỉ tiêu	Công ty CP Bibica	Công ty CP Kinh Đô	Công ty CP Bánh kẹo Hải Hà	Công ty CP chế biến thực phẩm Kinh đô Miền Bắc
Sức sản xuất của TSCĐ	2,32	2,2	6,7	3,67
Sức sinh lợi của TSCĐ	21,2%	74,4%	29,7%	38%
Tỷ suất sinh lợi của TSNH	15,4%	26%	16,15%	32,9%
Số vòng quay của TSNH	1,68	0,77	3,64	3,17

Năm 2009, công ty có tỷ suất sinh lời của TSNH tăng 0,3% tương ứng tốc độ tăng 1,9%. Sử dụng phương pháp số chênh lệch ta lần lượt xét ảnh hưởng của các nhân tố sau:

- Xét ảnh hưởng của nhân tố “ số vòng quay của TSNH “ :
 $\Delta v = 0,17 \times 4,565\% = 0,8\%$.
 Số vòng quay TSNH trong năm 2009 tăng 0,17 vòng làm cho tỷ suất sinh lời của TSNH tăng 0,8%.
- Xét ảnh hưởng của tỷ suất sinh lời doanh thu thuần:

$$\Delta t = 3,64 \times (-0,125\%) = -0,5\%$$

Tỷ suất sinh lời của doanh thu thuần giảm 0,125% làm cho tỷ suất sinh lời của TSNH giảm 0,5%.

Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng ta có:

$$0,8\% + (-0,5\%) = 0,3\%$$

Trong năm 2009, mặc dù tỷ suất sinh lời của doanh thu thuần giảm nhưng tỷ suất sinh lời của TSNH vẫn tăng là do số vòng quay TSNH tăng nhiều hơn phần bị giảm do giảm tỷ suất sinh lời doanh thu thuần.

3. Phân tích tốc độ luân chuyển của TSNH:

$$2. \text{ Thời gian một vòng quay của TSNH: } = \frac{\text{TSNH bình quân}}{\text{doanh thu thuần}} = t;$$

$$\text{❖ Năm 2008: } t_0 = \frac{(112.787.674.471 + 126.805.846.336)/2}{416.004.825.417} \times 365 = 105 \text{ (ngày).}$$

$$\text{❖ Năm 2009: } t_1 = \frac{(126.805.846.336 + 125.347.979.979)/2}{458.601.900.972} \times 365 = 101 \text{ (ngày).}$$

$$\text{Do đó: } \Delta t = t_1 - t_0 = 101 - 105 = -4 \text{ (ngày); } \frac{\Delta t}{t_0} \times 100 = \frac{-4}{105} \times 100 = -3,8\%$$

Thời gian một vòng quay TSNH năm 2009 giảm 4 ngày so với năm 2008 chứng tỏ TSNH năm 2009 đã vận động nhanh hơn, góp phần nâng cao doanh thu và lợi nhuận cho doanh nghiệp. Sử dụng phương pháp loại trừ ta xét ảnh hưởng của nhân tố sau:

- Xét ảnh hưởng của nhân tố TSNH bình quân sử dụng trong hoạt động kinh doanh:

$$\begin{aligned} \Delta 1 &= \frac{\text{TSNH bình quân}_1 \times 365}{\text{Doanh thu thuần}_0} - \frac{\text{TSNH bình quân}_0 \times 365}{\text{Doanh thu thuần}_0} \\ &= \frac{(112.787.674.471 + 126.805.846.336)/2 \times 365}{416.004.825.417} - 105 \end{aligned}$$

$$= 111 \quad - 105$$

$$= 6 \text{ (ngày)}.$$

$$\frac{\Delta 1}{t_0} \times 100 = \frac{6}{105} \times 100 = 5,7 \%$$

TSNH bình quân sử dụng năm 2009 tăng làm cho thời gian 1 vòng quay TSNH năm này tăng 6 ngày so với năm trước đó, tương ứng tốc độ tăng 5,7%.

- Xét ảnh hưởng của nhân tố doanh thu thuần :

$$\Delta 1 = \frac{TSNH \text{ bình quân}_1 \times 365}{Doanh \text{ thu thuần}_1} - \frac{TSNH \text{ bình quân}_1 \times 365}{Doanh \text{ thu thuần}_0}$$

$$= 101 - 111$$

$$= - 10 \text{ (ngày)}.$$

$$\frac{\Delta 2}{t_0} \times 100 = \frac{-10}{105} \times 100 = -9,5 \%$$

Việc doanh thu thuần năm 2009 tăng lên làm cho thời gian một vòng quay TSNH giảm 10 ngày, tương ứng tốc độ giảm 9,5 %. Đây là một tín hiệu đáng mừng vì ít nhất trên một phương diện nào đó ta thấy doanh thu thuần tăng tức là lượng tiêu thụ tăng, quy mô được mở rộng hoặc khách hàng yêu thích sản phẩm của doanh nghiệp hơn và thời gian một vòng quay TSNH giảm chứng tỏ khả năng thu hồi vốn lưu động sẽ nhanh hơn.

Tổng hợp hai nhân tố ảnh hưởng ta có:

$$\Delta t = \Delta 1 + \Delta 2 = 6 + (-10) = - 4.$$

Như vậy, Hải Hà đang sử dụng tài sản ngắn hạn có hiệu quả hơn trong năm 2009, đồng thời tốc độ luân chuyển của TSNH năm 2009 nhanh hơn so với năm 2008. Điều này làm cho doanh nghiệp tiết kiệm được một lượng vốn lưu động, tức là doanh nghiệp phải kéo dài thời gian, và bơm thêm vốn lưu động vào trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Vốn lưu động tiết kiệm tương đối :

$$= TSNH \text{ bình quân}_1 - \frac{\text{Doanh thu thuần}_1 \times t_0}{365}$$

$$= (126.805.846.336 + 125.347.979.979) / 2 - \frac{458.601.900.972 \times 105}{365}$$

$$= - 5.849.661.132 \text{ (đồng)}.$$

Việc công ty cổ phần bánh kẹo Hải Hà sử dụng TSNH một cách có hiệu quả đã làm tiết kiệm một lượng vốn lưu động là 5.849.661.132 đồng vì vậy công ty nên tiếp tục phát huy điều này.

NHóm phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh:

- 1. Nguyễn Thị Ánh.**
- 2. Cao Thị Hòa.**
- 3. Văn Thị Huệ.**
- 4. Vũ Thị Thu.**
- 5. Nguyễn Thị Yên.**